

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
VIETNAM REGISTER
NATIONAL VEHICLE INSPECTION AND
CERTIFICATION CENTER
Số (N^o): 26KOT/326664



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE Ô TÔ, RƠ MOOC, SƠ MI RƠ MOOC NHẬP KHẨU**

(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported automobile, trailer, semitrailer)

Tình trạng phương tiện (Vehicle's status): Chưa qua sử dụng
Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP MINH PHÚC
Địa chỉ (Address): Số nhà 42, ngõ 197/41/3 đường Phúc Lợi, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Loại phương tiện (Vehicle's type): Sơ mi rơ moóc tải chở container
Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường (Clean, green energy vehicle): Không
Cho phép tự động hóa điều khiển (Allows driving automation): Không
Nhãn hiệu (Trade mark): HUALU YEXING
Mã kiểu loại (Model code): —
Tên thương mại (Commercial name): HXY9400TPB
Màu xe (Vehicle color): Xanh
Số khung (Chassis N^o): LA99FRP34T0HXY030
Số động cơ (Engine N^o):
Nước sản xuất (Production country): CHINA
Năm sản xuất (Production year): 2026
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration N^o/date): 108239514130 / 14/05/2026
Số biên bản kiểm tra (Inspection record N^o): 003844/26OT-069/003
Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 26/06/2026 / Thành phố Hà Nội
Số đăng ký kiểm tra (Registered N^o for inspection): 003844/26OT

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)**

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	8800	kg
Khối lượng hàng chuyên chở TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. cargo pay mass: Designed/Authorized):	31200/30200	kg
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. total mass: Designed/Authorized):	40000/39000	kg
Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất phân bố lên chốt kéo (Authorized Total mass on kingpin):	15075	kg
Kích thước bao : Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	14300 x 2500 x 1580	mm
Công thức bánh xe (Drive configuration):	6 x 0	
Khoảng cách trục (Wheel space):	8000 + 1310 + 1310	mm
Vết bánh xe trước (Front track):	1840	mm
Vết bánh xe sau (Rear track):		
Lốp xe (Tyres):	- Trục 1 (Axle 1 st): 04 Lốp; 12.00R20 - Trục 3 (Axle 3 rd): 04 Lốp; 12.00R20	
	- Trục 2 (Axle 2 nd): 04 Lốp; 12.00R20 - Trục 4 (Axle 4 th): 04 Lốp; 12.00R20	

Thiết bị đặc trưng (Special equipment): Cơ cấu chốt khoá container

Xe đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

The vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular N^o 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Ghi chú (Remarks):

Các giá trị khối lượng nêu trên được ghi nhận khi xe chở 01 container loại 45 feet, hoặc 01 container loại 40 feet, hoặc 02 container loại 20 feet đồng thời.

(Date) Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

Cơ quan chứng nhận
(Certification body)

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ký bởi: TRUNG TÂM ĐĂNG
KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO
THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ
ĐƯỜNG SẮT
Email: nvicc@vr.org.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM
VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 29/06/2026
12:37:11

Hoàng Quân

Ký bởi: Hoàng Quân

Email:

quanh.vr@mt.gov.vn

Cơ quan: CỤC ĐĂNG

KIỂM VIỆT NAM, BỘ

XÂY DỰNG

Thời gian:

29/06/2026 12:37:10

CQ A 3984088

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...

Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
VIETNAM REGISTER
NATIONAL VEHICLE INSPECTION AND
CERTIFICATION CENTER
Số (N^o): 26KOT/326665

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE Ô TÔ, RƠ MOOC, SƠ MI RƠ MOOC NHẬP KHẨU**

(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental
protection for imported automobile, trailer, semitrailer)

Tình trạng phương tiện (Vehicle's status): Chưa qua sử dụng
Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP MINH PHÚC
Địa chỉ (Address): Số nhà 42, ngõ 197/41/3 đường Phúc Lợi, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Loại phương tiện (Vehicle's type): Sơ mi rơ moóc tải chở container
Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường (Clean, green energy vehicle): Không
Cho phép tự động hóa điều khiển (Allows driving automation): Không
Nhãn hiệu (Trade mark): HUALU YEXING
Tên thương mại (Commercial name): HYX9400TPB
Số khung (Chassis N^o): LA99FRP36T0HYX031
Nước sản xuất (Production country): CHINA
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration N^o/date): 108239514130 / 14/05/2026
Số biên bản kiểm tra (Inspection record N^o): 003844/26OT-069/003
Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 26/06/2026 / Thành phố Hà Nội
Số đăng ký kiểm tra (Registered N^o for inspection): 003844/26OT

Mã kiểu loại (Model code): —
Màu xe (Vehicle color): Xanh
Số động cơ (Engine N^o):
Năm sản xuất (Production year): 2026

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)**

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	8800	kg
Khối lượng hàng chuyên chở TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. cargo pay mass: Designed/Authorized):	31200/30200	kg
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. total mass: Designed/Authorized):	40000/39000	kg
Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất phân bổ lên chốt kéo (Authorized Total mass on kingpin):	15075	kg
Kích thước bao : Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	14300 x 2500 x 1580	mm
Công thức bánh xe (Drive configuration):	6 x 0	
Khoảng cách trục (Wheel space):	8000 + 1310 + 1310	mm
Vết bánh xe trước (Front track):	1840	mm
Lốp xe (Tyres):	- Trục 1 (Axle 1 st): - Trục 2 (Axle 2 nd): - Trục 3 (Axle 3 rd): - Trục 4 (Axle 4 th):	04 Lốp; 12.00R20 04 Lốp; 12.00R20 04 Lốp; 12.00R20 04 Lốp; 12.00R20

Thiết bị đặc trưng (Special equipment): Cơ cấu chốt khoá container

Xe đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

The vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular N^o 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Ghi chú (Remarks):

Các giá trị khối lượng nêu trên được ghi nhận khi xe chở 01 container loại 45 feet, hoặc 01 container loại 40 feet, hoặc 02 container loại 20 feet đồng thời.

(Date) Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

Cơ quan chứng nhận

(Certification body)

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

PHÓ GIÁM ĐỐC



Ký bởi: TRUNG TÂM ĐĂNG
KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO
THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ
ĐƯỜNG SẮT
Email: nvicc@vr.org.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM
VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 29/06/2026
12:37:09

Hoàng Quân

Ký bởi: Hoàng Quân

Email:

quanh.vr@mt.gov.vn

Cơ quan: CỤC ĐĂNG

KIỂM VIỆT NAM, BỘ

XÂY DỰNG

Thời gian:

29/06/2026 12:37:08

CQ A 3984089

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
VIETNAM REGISTER
NATIONAL VEHICLE INSPECTION AND
CERTIFICATION CENTER
Số (Nº): 26KOT/326666



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE Ô TÔ, RƠ MOOC, SƠ MI RƠ MOOC TẢI CHỖ CONTAINER**

(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported automobile, trailer, semitrailer)

Tình trạng phương tiện (Vehicle's status): Chưa qua sử dụng
Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP MINH PHÚC
Địa chỉ (Address): Số nhà 42, ngõ 197/41/3 đường Phúc Lợi, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Loại phương tiện (Vehicle's type): Sơ mi rơ moóc tải chở container
Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường (Clean, green energy vehicle): Không
Cho phép tự động hóa điều khiển (Allows driving automation): Không
Nhãn hiệu (Trade mark): HUALU YEXING
Tên thương mại (Commercial name): HX9400TPB
Số khung (Chassis Nº): LA99FRP38TOHYX032
Nước sản xuất (Production country): CHINA
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration Nº/date): 108239514130 / 14/05/2026
Số biên bản kiểm tra (Inspection record Nº): 003844/26OT-069/003
Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 26/06/2026 / Thành phố Hà Nội
Số đăng ký kiểm tra (Registered Nº for inspection): 003844/26OT

Mã kiểu loại (Model code): —
Màu xe (Vehicle color): Xanh
Số động cơ (Engine Nº):
Năm sản xuất (Production year): 2026

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)**

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	8800	kg
Khối lượng hàng chuyên chở TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. cargo pay mass: Designed/Authorized):	31200/30200	kg
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. total mass: Designed/Authorized):	40000/39000	kg
Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất phân bố lên chốt kéo (Authorized Total mass on kingpin):	15075	kg
Kích thước bao : Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	14300 x 2500 x 1580	mm
Công thức bánh xe (Drive configuration):	6 x 0	
Khoảng cách trục (Wheel space):	8000 + 1310 + 1310	mm
Vết bánh xe trước (Front track):	1840	mm
Vết bánh xe sau (Rear track):		
Lốp xe (Tyres):	- Trục 1 (Axle 1 st): - Trục 3 (Axle 3 rd): 04 Lốp; 12.00R20	- Trục 2 (Axle 2 nd): 04 Lốp; 12.00R20 - Trục 4 (Axle 4 th): 04 Lốp; 12.00R20

Thiết bị đặc trưng (Special equipment): Cơ cấu chốt khoá container

Xe đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

The vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular Nº 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Ghi chú (Remarks):

- Các giá trị khối lượng nêu trên được ghi nhận khi xe chở 01 container loại 45 feet, hoặc 01 container loại 40 feet, hoặc 02 container loại 20 feet đồng thời; - Chiếc xe này đã dùng để thử nghiệm tại Việt Nam.

(Date) Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

Cơ quan chứng nhận

(Certification body)

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ký bởi: TRUNG TÂM ĐĂNG
KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO
THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ
ĐƯỜNG SẮT
Email: nvicc@vr.org.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM
VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 29/06/2026
12:37:07

Hoàng Quân

Ký bởi: Hoàng Quân

Email:

quanh.vr@mt.gov.vn

Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM

VIỆT NAM, BỘ

XÂY DỰNG

Thời gian:

29/06/2026 12:37:06

CQ A 3984090

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...